

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/KDTM-ST
Ngày: 16 -4 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
phân phối mua bán hàng hóa
.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhung

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương– Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 72/2020/TLST- KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng phân phối mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117 /2021/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A

Địa chỉ: Số 01 N, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Y M

Người đại diện theo ủy: Bà Phạm Thị H – sinh năm 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 01 N, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội.

Văn bản ủy quyền: số 0110-2020/GUQ-AZBIL Ngày 01/10/2020

Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa C

Địa chỉ: số 305 A, phường P, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Chí T.

Địa chỉ: 259/17H C, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Công ty TNHH A (gọi tắt Công ty A) do bà Phạm Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/5/2009 Công ty A và Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa C (Gọi tắt Công ty C) ký thỏa thuận nhà phân phối không độc quyền. Công ty C thực hiện làm nhà phân phối không độc quyền cho Công ty A. Công ty C thực hiện công tác Marketing và bán sản phẩm trong các lĩnh vực phù hợp với các điều khoản của thỏa thuận nhà phân phối. Sản phẩm phân phối là thiết bị điện điều khiển công nghiệp, cảm biến điện.

Trong quá trình thực hiện thỏa thuận phân phối, tính đến ngày 31/12/2013 Công ty C còn nợ Công ty A số tiền 4.301.744.154 đồng.

Ngày 20/8/2014 Công ty C có văn bản gửi cho Công ty A về việc đề nghị được thanh toán tiền còn nợ trên theo lộ trình từ tháng 01/2014 đến tháng 05/2016.

Tại biên bản thỏa thuận cản trừ nợ ngày 21/10/2016. Công ty A và Công ty C cùng thống nhất bù trừ công nợ phải thu và trả của hai bên.

Công ty A không phải thanh toán cho Công ty C.

Công ty C phải thanh toán cho Công ty A số tiền 3.902.788.860 đồng. Thực tế từ thời điểm chốt công nợ cho đến nay, Công ty C vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho Công ty A.

Do Công ty C chậm thanh toán nên phải chịu tiền lãi với mức lãi suất là 9%/năm đối với số nợ phải thanh toán, tính từ ngày 21/10/2016 đến ngày 16/04/2021 cụ thể:

$3.902.788.860 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} (0.75\%/\text{tháng}) \times 54 \text{ tháng} = 1.580.629.464 \text{ đồng}.$

Tổng cộng số tiền mà Công ty C phải thanh toán cho Công ty A là:

$3.902.788.860 \text{ đồng} + 1.580.629.464 \text{ đồng} = 5.483.418.324 \text{ đồng}.$

Công ty A yêu cầu Công ty C phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa C (Gọi tắt Công ty C) do ông Hoàng Chí T là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty C còn nợ Công ty A số tiền 3.902.788.860 đồng. Tuy nhiên do Công ty C đang gặp khó khăn về tài chính. Năm 2015 Công ty C bị Chi cục thuế Quận 10 thu hồi sổ hóa đơn và ngưng hoạt động từ năm 2015 đến nay. Công ty C không có nguồn thu thường xuyên để thanh toán nợ cho Công ty A, số tài khoản của Công ty C đã bị ngưng không sử dụng được.

Nay với yêu cầu thanh toán nợ của Công ty A, Công ty C có ý kiến như sau:

Thời gian thanh toán nợ là 04 năm, bắt đầu từ năm 2021 đến năm 2024, mỗi năm thanh toán một tỷ đồng, số tiền còn lại thanh toán hết vào năm 2024.

Đề nghị Công ty A chấp nhận thanh toán từ tài khoản cá nhân khác không phải tài khoản của Công ty C.

Nguồn tiền để thanh toán có thể Công ty C đi vay mượn và trả bằng công nợ vật tư từ Solar panel Yumi 445/450w hoặc tương tự. Công ty C có thể đi mượn công nợ này để trừ nếu Công ty A chấp nhận với phương thức này.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty A vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Tòa án đã triệu tập hợp bị đơn Công ty C (Do ông Hoàng Chí T là người đại diện theo pháp luật) nhưng Công ty C vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng phân phối sản phẩm. Do Công ty C có trụ sở đăng ký kinh doanh tọa lạc tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị Hội đồng xét xử cần rút kinh nghiệm.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty C thanh toán tiền còn nợ là 3.902.788.860 đồng. Do Công ty C chậm thanh toán nên phải chịu tiền lãi với mức lãi suất là 9%/năm đối với số nợ phải thanh toán, cụ thể:

$3.902.788.860 \text{ đồng} \times 9\%/năm \text{ (tức } 0.75\%/tháng) \times 54 \text{ tháng} = 1.580.629.464 \text{ đồng}$ (thời hạn tính lãi suất từ ngày 21/10/2016 đến ngày 16/4/2021)

Tổng cộng số tiền mà Công ty C phải thanh toán cho Công ty A là:

$3.902.788.860 \text{ đồng} + 1.580.629.464 \text{ đồng} = 5.483.418.324 \text{ đồng}.$

Công ty C đồng ý thanh toán số nợ gốc cho Công ty A nhưng xin kéo dài thời hạn thanh toán là 04 năm (từ năm 2021 đến năm 2024) Công ty A không đồng ý.

Căn cứ hợp đồng phân phối, hai bên thỏa thuận về việc thực hiện phân phối sản phẩm và phương thức thanh toán được quy định tại Điều 8 của hợp đồng phân phối sản phẩm ký ngày 01/5/2009 Công ty A phát hành hóa đơn tài chính

cho sản phẩm đã được giao cho nhà phân phối (Công ty C), nhà phân phối phải thanh toán tiền trong thời hạn 25 ngày kể từ cuối tháng của ngày viết hóa đơn. Thực tế Công ty A và Công ty C đã tiến hành chốt công nợ vào ngày 21/10/2016 nhưng Công ty C vẫn chưa thanh toán tiền.

Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật thương mại đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty A về việc buộc Công ty C phải trả ngay số tiền còn thiếu.

Nguyên đơn Công ty A yêu cầu Công ty C phải chịu tiền phạt do chậm thanh toán với mức lãi suất 9%/năm. Căn cứ hợp đồng phân phối hai bên có thỏa thuận phạt do chậm thanh toán. Căn cứ Điều 306 Luật thương mại đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng phân phối mua bán hàng hóa. Do Công ty C có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng:

Xét, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty C do Hoàng Hoàng Chí T là người đại diện theo pháp luật nhưng Công ty C vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn công ty C.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, nguyên đơn Công ty A yêu cầu Công ty C thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi còn thiếu gồm:

Tiền nợ gốc là 3.902.788.860 đồng

Tiền nợ lãi là 1.580.629.464 đồng

Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 5.483.418.324 đồng

Công ty Azbil yêu cầu Công ty C thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Công ty C không đồng ý thanh toán một lần mà xin kéo dài thời hạn thanh toán là 04 năm.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ hợp đồng phân phối hàng hóa hai bên ký kết ngày 01/5/2009. Việc thanh toán tiền sau khi công ty A xuất hóa đơn tài chính, thỏa thuận việc thanh toán trong thời hạn 25 ngày kể từ cuối tháng của

ngày xuất hóa đơn. Căn cứ biên bản thỏa thuận cản trừ công nợ ký ngày 21/10/2016. Hai bên xác định số tiền mà Công ty C còn nợ Công ty A. Tuy nhiên Công ty C vẫn chưa thanh toán, mặc dù Công ty A nhiều lần gửi văn bản yêu cầu thanh toán. Do đó trong quá trình thực hiện hợp đồng phân phối hàng hóa Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên đã thỏa thuận. Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Xét, Công ty A yêu cầu Công ty C phải thanh toán lãi suất 9%/năm, thời gian chậm trả là 54 tháng (Tính từ tháng 6/2016 đến tháng 4/2021) trên số tiền gốc cụ thể:

$3.902.788.860 \text{ đồng} \times 9\%/năm \text{ (tức } 0.75\%/tháng) \times 54 \text{ tháng} = 1.580.629.464 \text{ đồng}$

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Điều 8 khoản 8.1 của Hợp đồng phân phối quy định Công ty C chậm thanh toán phải chịu lãi phạt chậm trả theo lãi suất cơ bản của ngân hàng.

Căn cứ mức lãi suất quá hạn của 3 ngân hàng: Ngân hàng Sài Gòn Thương tín là 9%/năm x 150%; Ngân hàng ngoại thương Việt Nam là 9%/năm x 150% mức lãi suất cho vay trong hạn; Ngân hàng Á Châu là 9%/năm x 150%.

Xét thấy Công ty A yêu cầu mức lãi suất 9%/năm là phù hợp với lãi suất trung bình của 3 ngân hàng tại thời điểm Tòa án mở phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 306 Luật thương mại, yêu cầu của nguyên đơn Công ty A về việc thanh toán tiền phạt chậm trả là có cơ sở để chấp nhận.

Tổng cộng số tiền mà Công ty C phải thanh toán cho Công ty A là 5.483.418.324 đồng (Trong đó nợ gốc là 3.902.788.860 đồng và nợ lãi là 1.580.629.464 đồng).

[4] Về thời hạn thanh toán:

Xét, nguyên đơn Công ty A yêu cầu Công ty C thanh toán một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, Căn cứ Hợp đồng phân phối, hai bên ký kết thỏa thuận Công ty C phải thanh toán tiền cho Công ty A sau khi xuất hóa đơn tài chính trong thời hạn 25 ngày của tháng tiếp theo sau tháng xuất hóa đơn. Công ty A đã xuất hóa đơn tài chính cho Công ty C trên số tiền phải thanh toán. Thực tế, Công ty C vẫn chưa thanh toán nợ cho Công ty A, là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty A. Căn cứ Điều 50 Luật thương mại, yêu cầu của Công ty A là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Công ty A được chấp nhận nên Công ty C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật trên số tiền phải thanh toán là: $5.483.418.324 \text{ đồng} = 112.000.000 \text{ đồng} + 0.1\% (1.483.418.324 \text{ đồng}) = 113.483.418 \text{ đồng}$ (Một trăm mười ba triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn bốn trăm mười tám đồng).

Hoàn lại số tiền tạm nộp án phí là 56.497.518 đồng cho Công ty A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 50; Điều 306 Luật thương mại;
- Điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

2. Buộc Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa C phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền là 5.483.418.324 đồng (Trong đó nợ gốc là 3.902.788.860 đồng và nợ lãi là 1.580.629.464 đồng).

Thời hạn thi hành: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 17/4/2021 Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 113.483.418 đồng (Một trăm mười ba triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn bốn trăm mười tám đồng) Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa C chịu.

Hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền 56.497.518 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm mười tám đồng) theo biên lai thu số 0071108 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Hương